

Bản án số: 247/2025/DS-ST

Ngày: 22/5/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư;

2. Ông Đoàn Văn Rỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: Số A đường L, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 516/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S, số A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Các ông bà Trần Hoàng M (vắng mặt), Nguyễn Huy C (có mặt), Nguyễn Thị Thanh V (vắng mặt). Là đại diện theo ủy quyền theo các Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2024 và ngày 14/02/2025.

- Bị đơn: Bà Lê Ngọc Anh T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số E đường M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/8/2022, tại các bản tự khai và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

1/ Ngày 30/12/2020, Ngân hàng và bà Trần Ngọc A Thư ký kết Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay : 760.000.000đồng;

- Mục đích vay: Mua ô tô;

- Thời hạn cho vay: 96 tháng;

- Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân 8.7%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 01, mỗi tháng trả 7.920.000 đồng, tháng cuối trả 7.600.000 đồng. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 01, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/02/2021. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Phương thức trả nợ: Hàng tháng vào ngày 01 trả 7.920.000 đồng nợ gốc và nợ lãi, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/02/2021.

Theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân theo yêu cầu của bà T bằng hình thức chuyển khoản cho tài khoản được bà T cung cấp là: Tổng Công ty C1 MTV, số tài khoản: 007.100.000.8175 tại Ngân hàng V2 – CN SG-TP . số tiền 760.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền, bà T đã thanh toán được tổng cộng là 260.266.578 đồng, trong đó nợ gốc là 163.745.814 đồng, nợ lãi là 96.520.764 đồng. Tuy nhiên bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản nợ bắt đầu quá hạn từ ngày 05/01/2022. Ngày 11/7/2022, Ngân hàng đã thông báo đến bà T về việc thu hồi nợ toàn bộ khoản nợ trước hạn. Đến ngày 10/8/2022, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà T sang quá hạn.

Đến ngày 02/4/2025, bà T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 596.254.186 đồng;
 - Nợ lãi trong hạn: 23.539.133 đồng;
 - Nợ lãi quá hạn: 357.895.613 đồng.
- Tổng cộng là 977.688.932 đồng.

2/ Bà T đã có đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB và Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà T cụ thể như sau:

- Loại thẻ: V1;
- Số tài khoản thẻ: 000000000394948 (số thẻ: 513892xxxx9171);
- Hạn mức: 47.000.000 đồng;
- Lãi suất trong hạn: 30%/năm. Đến ngày 11/01/2022 áp dụng mức lãi suất là 32,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Không có.
- Các loại phí theo thỏa thuận của các bên bao gồm phí thường niên là 899.000 đồng/năm; phí chậm thanh toán là 4%/tháng (tối thiểu là 200.000 đồng, tối đa là 2.000.000 đồng); phí vượt hạn mức là 4%/tháng (tối thiểu 50.000 đồng);...
- Thứ tự ưu tiên thanh toán như sau: (1) Phí thường niên; (2) Lãi; (3) Phí rút tiền mặt; (4) Các phí khác như phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán...; (5) Các khoản giao dịch rút tiền mặt; (6) Các khoản giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ; (7) Các khoản giao dịch khác.

Từ ngày 05/01/2022, bà T đã chậm thanh toán nợ thẻ tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà T trả nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện trả nợ.

Tính đến ngày 02/4/2025, bà T còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 45.751.071đồng;
 - Nợ lãi: 49.357.885đồng;
 - Nợ phí phạt chậm thanh toán: 33.779.916đồng;
 - Nợ phí vượt hạn mức: 27.350.989đồng;
 - Nợ phí thường niên: 899.000đồng;
- Tổng cộng là 157.138.861đồng.

Do bà T đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày 02/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 722738820 ngày 30/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020 là 977.688.932đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 596.254.186đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 23.539.133đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 357.895.613đồng.

+ Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày 02/4/2025 theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB là 157.138.861đồng:

- Nợ gốc: 45.751.071đồng;
- Nợ lãi: 49.357.885đồng;
- Nợ phí phạt chậm thanh toán: 33.779.916đồng;
- Nợ phí vượt hạn mức: 27.350.989đồng;
- Nợ phí thường niên: 899.000đồng.

+ Buộc bà T tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 03/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 722738820 ngày 30/12/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Ngân hàng có đơn đề ngày 03/4/2025 yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Bị đơn là bà Lê Ngọc Anh T được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Huy C trình bày:

Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 722738820 ngày 30/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020 là 994.094.378đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 596.254.186đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 14.604.407đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 383.235.785đồng.

+ Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB là 159.175.723đồng:

- Nợ gốc: 45.751.071đồng;
- Nợ lãi: 51.394.748đồng;
- Nợ phí phạt chậm thanh toán: 33.779.916đồng;
- Nợ phí vượt hạn mức: 27.350.989đồng;
- Nợ phí thường niên: 899.000đồng.

+ Buộc bà T tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 23/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 722738820 ngày 30/12/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Bị đơn là bà Lê Ngọc Anh T được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng có trụ sở tại địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S, số A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Lê Ngọc Anh T cư trú tại địa chỉ: Số E đường M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Như vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Lê Ngọc Anh T được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020, Ngân hàng và bà T có thỏa thuận với nhau về việc Ngân hàng cho bà T vay 760.000.000đồng, thời hạn vay là 96 tháng, mục đích vay: Mua ô tô, phương thức trả nợ: Hàng tháng vào ngày 01 trả 7.920.000đồng nợ gốc và nợ lãi, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/02/2021. Ngân hàng xác định đã giải ngân số tiền vay số tiền 760.000.000đồng nêu trên theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020.

Xét quá trình giao kết, giải ngân và thanh toán theo Bảng tính lãi khách hàng tính đến ngày 22/5/2025 của Ngân hàng, có căn cứ xác định bà T đã nhận nợ đối với Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020 và đến nay bà T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 596.254.186đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ gốc này là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã không thanh toán nợ vay đúng thời hạn đã thỏa thuận nên phát sinh nợ quá hạn từ ngày từ ngày 05/01/2022. Ngày 11/7/2022, Ngân hàng đã thông báo đến bà T về việc thu hồi nợ toàn bộ khoản nợ trước hạn. Đến ngày 10/8/2022, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà T sang quá hạn.

Theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,7%/năm, đây là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi này, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Tính đến ngày 22/5/2025, bà T còn nợ Ngân hàng tiền lãi trong hạn là 14.604.407đồng và tiền lãi quá hạn là 383.235.785đồng. Xét mức lãi suất nêu trên phù hợp với thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật

Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bà T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7227388.20 ngày 30/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020 từ ngày 23/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB:

Căn cứ Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB và Bảng chi tiết tính lãi khách hàng tính đến ngày 22/5/2025 có cơ sở xác định Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho bà T cụ thể là thẻ VIB Happy Drive số tài khoản thẻ: 000000000394948 (số thẻ: 513892xxxx9171); Hạn mức: 47.000.000đồng; Lãi suất trong hạn: 30%/năm, đến ngày 11/01/2022 áp dụng mức lãi suất là 32,5%/năm; Các loại phí theo thỏa thuận của các bên bao gồm phí thường niên là 899.000đồng/năm; phí chậm thanh toán là 4%/tháng (tối thiểu là 200.000đồng, tối đa là 2.000.000đồng); phí vượt hạn mức là 4%/tháng (tối thiểu 50.000đồng); Thứ tự ưu tiên thanh toán như sau: (1) Phí thường niên; (2) Lãi; (3) Phí rút tiền mặt; (4) Các phí khác như phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán...; (5) Các khoản giao dịch rút tiền mặt; (6) Các khoản giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ; (7) Các khoản giao dịch khác.

Đến ngày 05/01/2022, bà T đã chậm thanh toán nợ thẻ tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà T trả nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện trả nợ. Tính đến ngày 22/5/2025, bà T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 159.175.723đồng trong đó nợ gốc là 45.751.071đồng, nợ lãi là 51.394.748đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán là 33.779.916đồng, nợ phí vượt hạn mức là 27.350.989đồng và nợ phí thường niên là 899.000đồng.

Căn cứ thỏa thuận của các bên tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, Ngân hàng có quyền yêu cầu bà T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ phí của các loại thẻ tín dụng mà Ngân hàng đã cấp cho bà T. Xét thấy lãi suất, phí thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định tại lãi suất nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện

sử dụng thẻ tín dụng VIB là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB từ ngày 23/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Bị đơn là bà Lê Ngọc Anh T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, bà T đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào các Điều 280, 293, Điều 299, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q:

Bà Lê Ngọc Anh T phải trả một lần cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 722738820 ngày 30/12/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020 là 994.094.378đồng (chín trăm chín mươi bốn triệu không trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 596.254.186đồng (năm trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 14.604.407đồng (mười bốn triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm lẻ bảy đồng) và nợ lãi quá hạn là 383.235.785đồng (ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng).

Bà Lê Ngọc Anh T phải trả một lần cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/5/2025 theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB là 159.175.723đồng (một trăm năm mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 45.751.071đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một ngàn không trăm bảy mươi một đồng), nợ lãi là 51.394.748đồng (năm mươi một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng), phí phạt chậm thanh toán: 33.779.916đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm mười sáu đồng), phí vượt hạn mức: 27.350.989đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn chín trăm tám mươi chín đồng) và phí thường niên: 899.000đồng (tám trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày 23/5/2025, bà Lê Ngọc Anh T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 722738820 ngày 30/12/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7227388(1).20 ngày 30/12/2020, Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 28/12/2020 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc Anh T phải chịu 46.598.103đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm chín mươi tám ngàn một trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng TMCP Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.194.042đồng (mười sáu triệu một trăm chín mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0030707 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Ngọc Anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Yến